

Bản án số: 30/2024/HNGĐ – ST

Ngày 20 tháng 8 năm 2024.

“ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoa Thị Vân;

2. Bà Vũ Thị Nhung;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2024; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Tẩn Tả M, sinh ngày 03/10/1992;

Địa chỉ: thôn S, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương Thủy – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Tẩn Láo T, sinh ngày 02/3/1990.

Địa chỉ: thôn S, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 12/6/2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Tẩn Tả M trình bày:

Chị và anh Tẩn Láo T kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Mường Hum, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số

08, quyển số 01, ngày 30/3/2010.

Sau ngày cưới anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm không thống nhất, thường xuyên xảy ra tranh cãi về cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Tả thiếu sự chia sẻ với nhau. Vì muốn gia đình được yên ấm, con cái có đầy đủ bố mẹ nên chị đã cố gắng nhẫn nhịn, khuyên nhủ anh Tả để vợ chồng cùng thay đổi nhưng không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 mỗi người một nơi, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tả Láo T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng sinh được 02 cháu, cháu thứ nhất Tả Quỳnh Như, sinh ngày 02/7/2013 và cháu thứ hai Tả Minh Tiến, sinh ngày 29/9/2014. Từ khi sống ly thân cả hai cháu đều sống với anh Tả Láo T. Khi ly hôn chị để anh Tả Láo T nuôi dưỡng cháu Tả Minh Tiến và chị nuôi dưỡng cháu Tả Quỳnh Như đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do mỗi người nuôi dưỡng một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ngày 08/7/2024 chị thay đổi nội dung khởi kiện về việc nuôi con, chị xét thấy do chưa có nhà ở, tính chất công việc lại phải đi làm xa nhà, vì vậy chị để anh Tả Láo T nuôi dưỡng cả 02 cháu đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do thu nhập chưa ổn định nên chị không cấp dưỡng nuôi con chung, khi nào có điều kiện chị cấp dưỡng sau.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Tả Láo T không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tả Láo T, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Tả, anh Tả đã được nghe đọc lại nội dung các văn bản tố tụng nhưng từ chối ký nhận văn bản, vì vậy Tòa án đã phải lập biên bản về việc từ chối nhận văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật, mặc dù anh Tả đã biết được nội dung chị Tả Tả M khởi kiện nhưng không có văn bản trả lời và không nộp chứng cứ cho Tòa án.

Đối với vụ án này Tòa án không hòa giải được vì chị Tả Tả M có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải.

Tại phiên tòa:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát có quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng

cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tần Tả M được ly hôn anh Tần Láo T.

Về con chung: Giao cả hai cháu, cháu thứ nhất Tần Quỳnh Như, sinh ngày 02/7/2013 và cháu thứ hai Tần Minh Tiến, sinh ngày 29/9/2014 cho anh Tần Láo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tần Tả M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Tần Tả M được miễn án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Tần Tả M được ly hôn anh Tần Láo T.

Về con chung: Chấp nhận quan điểm của nguyên đơn, anh Tần Láo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu, cháu thứ nhất Tần Quỳnh Như, sinh ngày 02/7/2013 và cháu thứ hai Tần Minh Tiến, sinh ngày 29/9/2014 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Tần Tả M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Tần Tả M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Tần Tả M là hộ nghèo theo Giấy chứng nhận hộ nghèo hộ cận nghèo số 118/GCN-HN.HCN ngày 25/12/2024 do Ủy ban nhân dân xã Mường Hum, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai cấp.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Tần Tả M được miễn án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Tần Láo T có địa chỉ tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Tần Tả M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tần Láo T vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Tần Tả M và anh Tần Láo T.

[2] Chị Tần Tả M và anh Tần Láo T kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Mường Hum, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01, ngày 30/3/2010 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Sau ngày cưới anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm không thống nhất, thường xuyên xảy ra tranh cãi về cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, hai bên không có sự chia sẻ. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 mỗi người một nơi, chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh, chị cư trú cũng xác nhận việc vợ chồng chị Tần Tả M và anh Tần Láo T có mâu thuẫn như ở trên và hiện tại đang sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn của anh, chị là có thật, mâu thuẫn của vợ chồng, do chị Mẫy cung cấp phù hợp với nội dung xác nhận của chính quyền địa phương. Nay chị Mẫy xin ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Mẫy, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Mẫy được ly hôn anh Tần Láo T. Quan hệ hôn nhân của chị Tần Tả M và anh Tần Láo T chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về con: Chị Tần Tả M và anh Tần Láo T sinh được 02 con chung, cháu thứ nhất Tần Quỳnh Như, sinh ngày 02/7/2013 và cháu thứ hai Tần Minh Tiến, sinh ngày 29/9/2014. Đối với 02 cháu tại đơn khởi kiện chị có nguyện vọng mỗi người nuôi một cháu, tại bản tự khai ngày 08/7/2024 chị Mẫy đã thay đổi nội dung khởi kiện về việc nuôi con chung, do chị phải đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về, vì vậy chị để anh Tả nuôi dưỡng cả hai cháu, xét thấy yêu cầu của chị Mẫy đưa ra là có căn cứ, từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai cháu vẫn sống với anh Tả, chính quyền địa phương nơi anh Tả

cư trú xác nhận hiện tại cả 02 cháu đang ở với anh Tả tại ngôi nhà của hai vợ chồng, anh Tả là lao động tự do thu nhập bình quân khoảng 150.000 đồng đến 200.000 đồng/ngày, quá trình sống tại địa phương thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, việc giao con cho anh Tả nuôi đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Mặt khác khi Tòa án hỏi ý kiến của 02 cháu thì cả hai cháu đều muốn ở với anh Tả. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị Tẩn Tả M giao cả hai con cho anh Tả nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Tẩn Tả M chưa có thu nhập ổn định, mặt khác anh Tẩn Láo T cũng đã biết cả hai cháu đều muốn ở với anh nhưng anh Tẩn Láo T không đưa ra yêu cầu gì về việc cấp dưỡng. Vì vậy chị Tẩn Tả M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[6] Về án phí: Chị Tẩn Tả M là hộ nghèo theo Giấy chứng nhận hộ nghèo hộ cận nghèo số 118/GCN-HN.HCN ngày 25/12/2024 do Ủy ban nhân dân xã Mường Hum, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai cấp.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Tẩn Tả M được miễn án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Tẩn Tả M được ly hôn anh Tẩn Láo T. Quan hệ hôn nhân của chị Tẩn Tả M và anh Tẩn Láo T chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Anh Tẩn Láo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu, cháu thứ nhất Tẩn Quỳnh Như, sinh ngày 02/7/2013 và cháu thứ hai Tẩn Minh Tiến, sinh ngày 29/9/2014 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Tẩn Tả M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Tẩn Tả M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tẩn Tả M được miễn án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKSND H. Bát Xát (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã Mường Hum;
- THA DS;
- Lưu TA, VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

